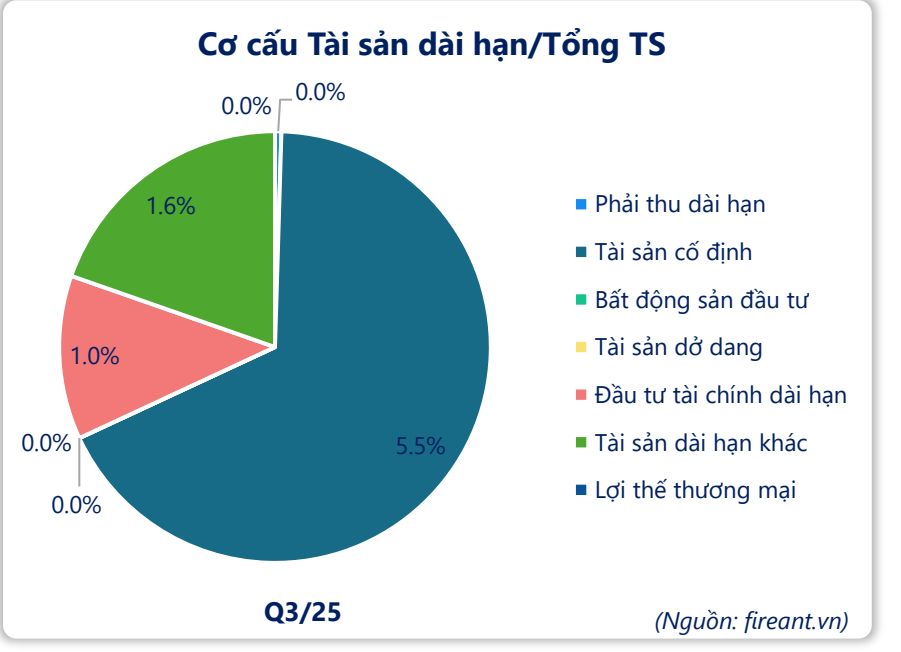
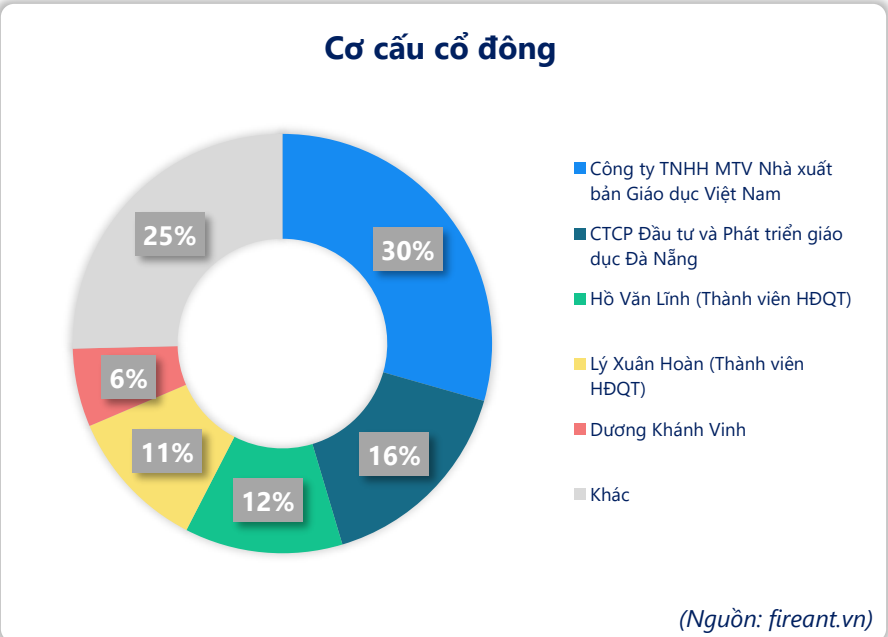
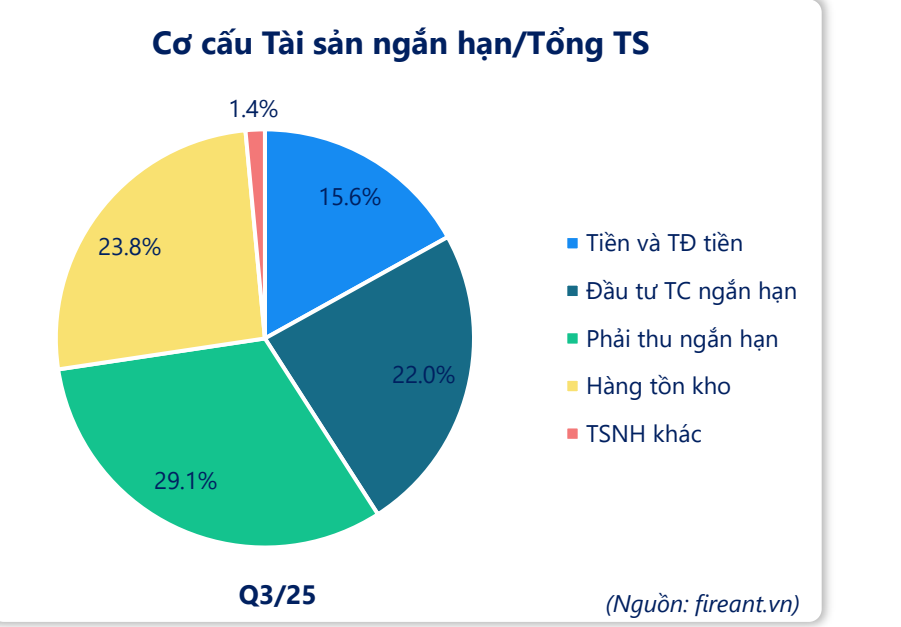
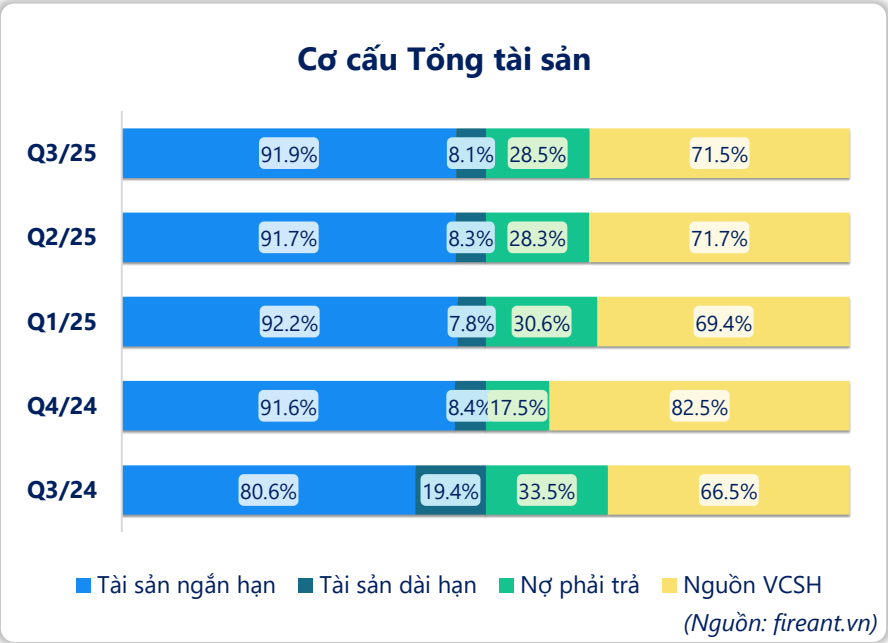
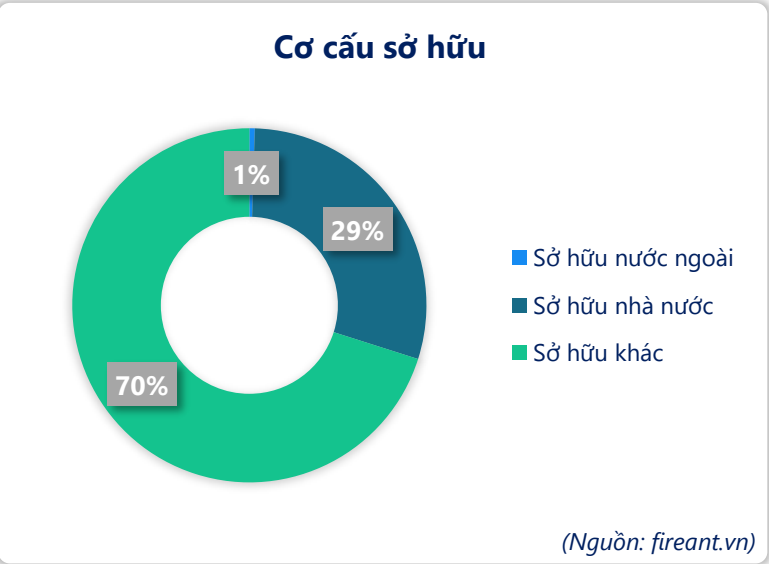
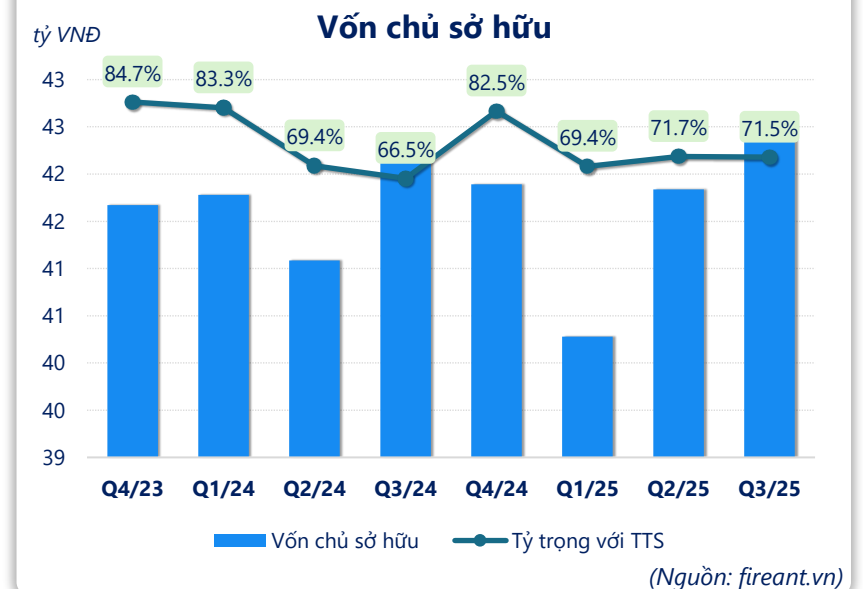
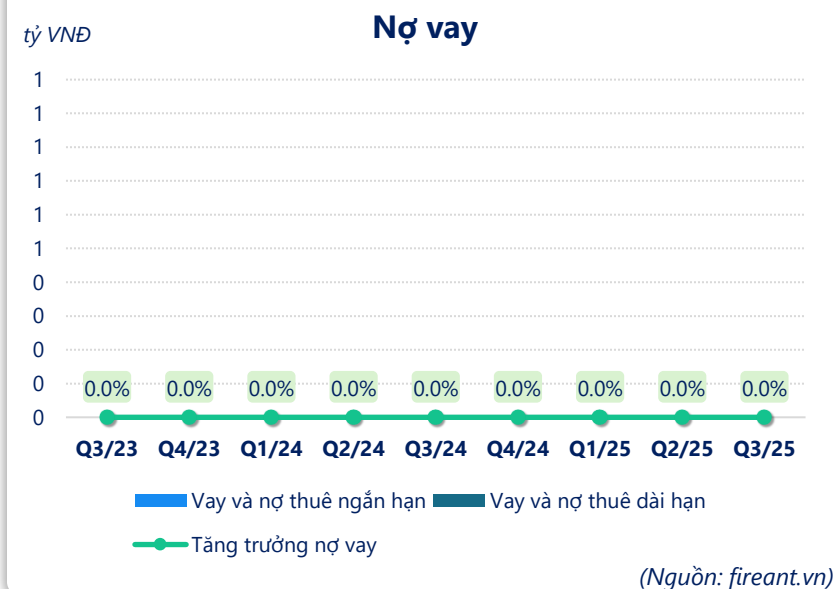
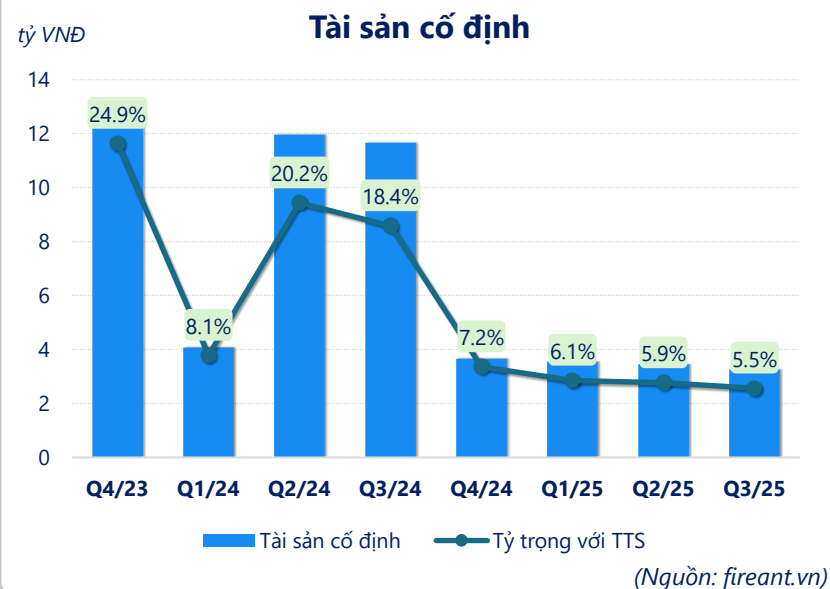
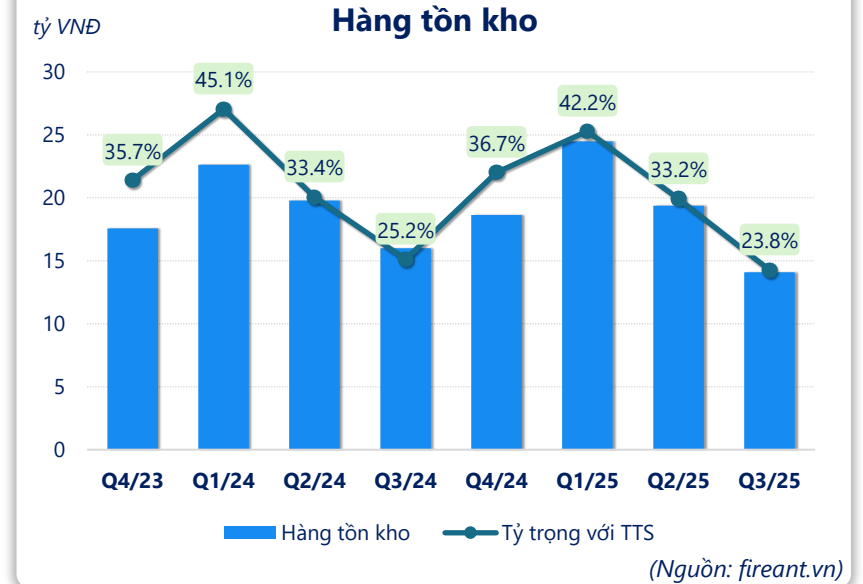
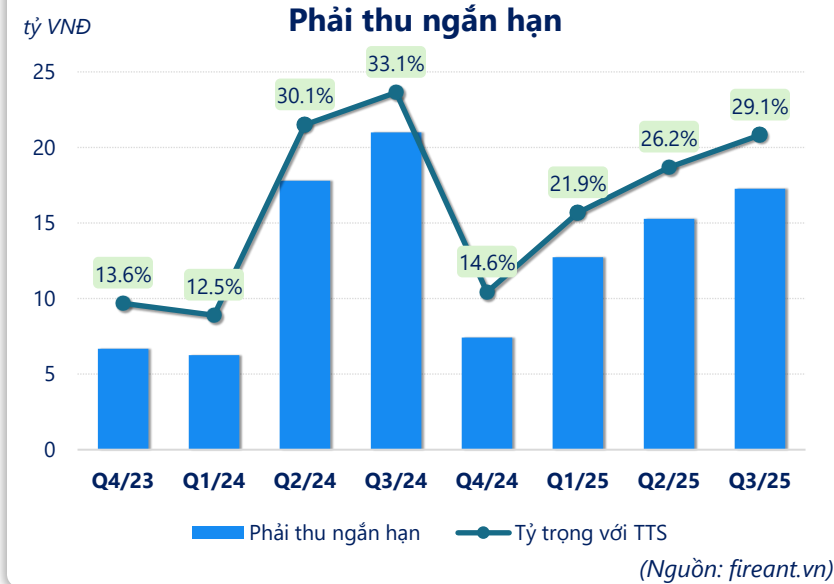
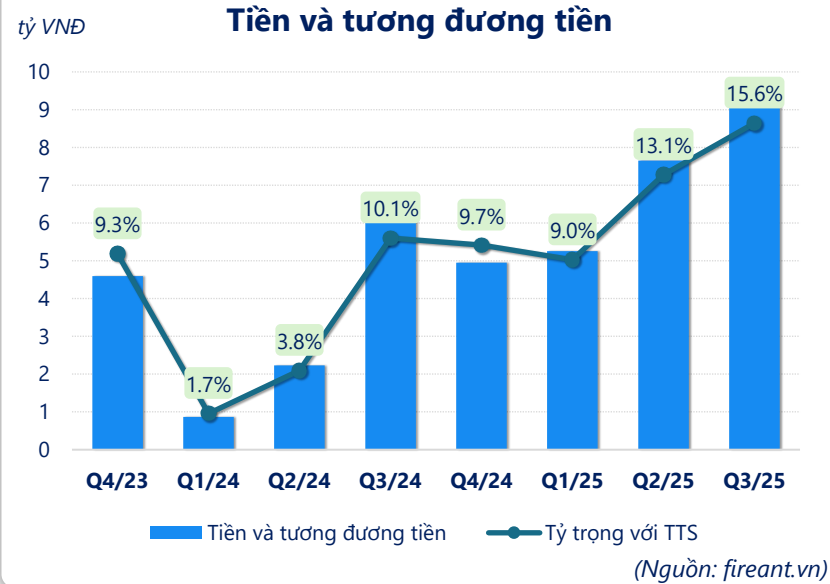
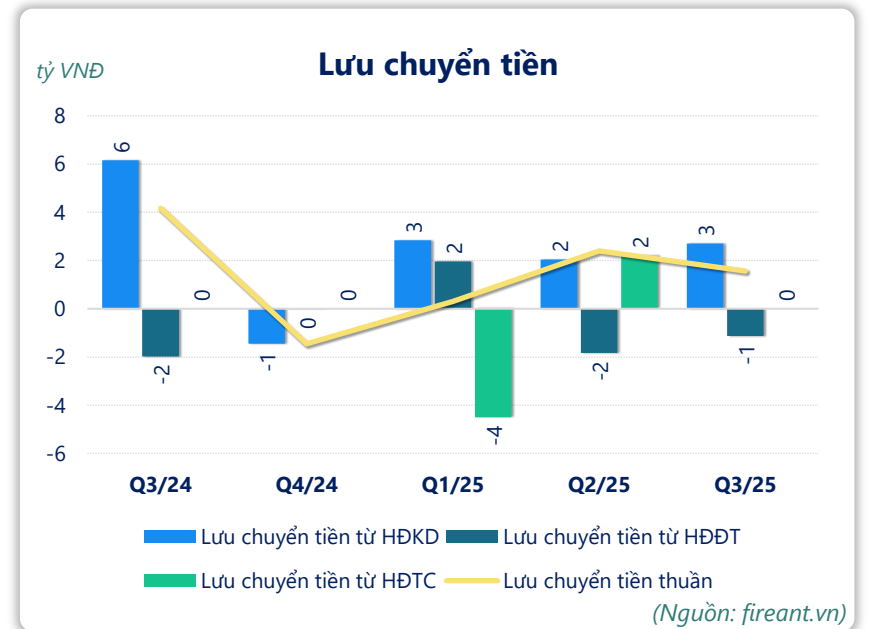
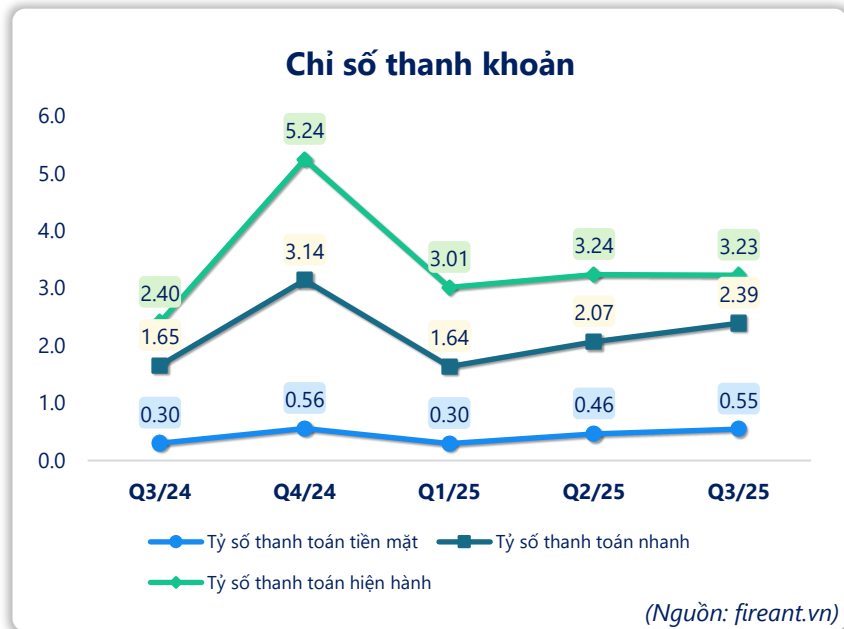
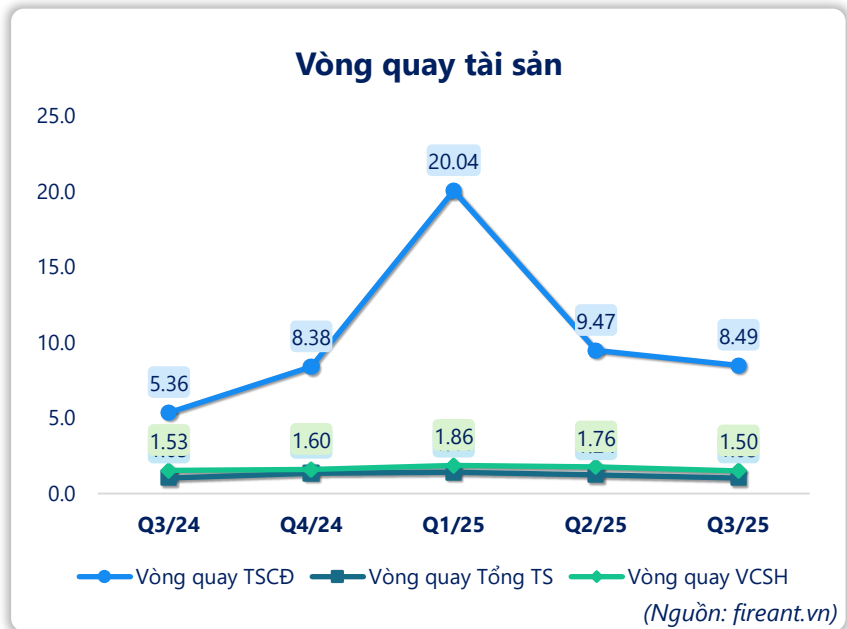
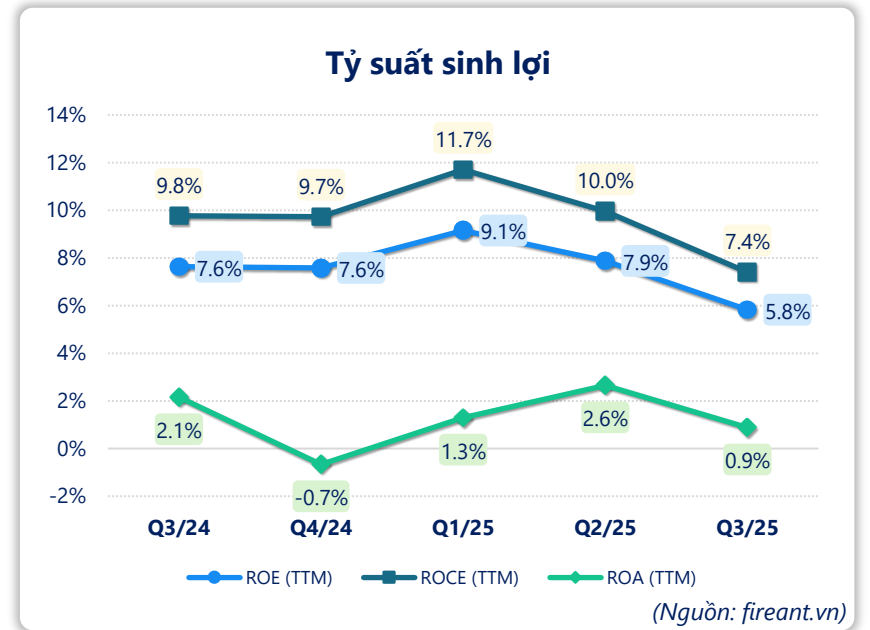
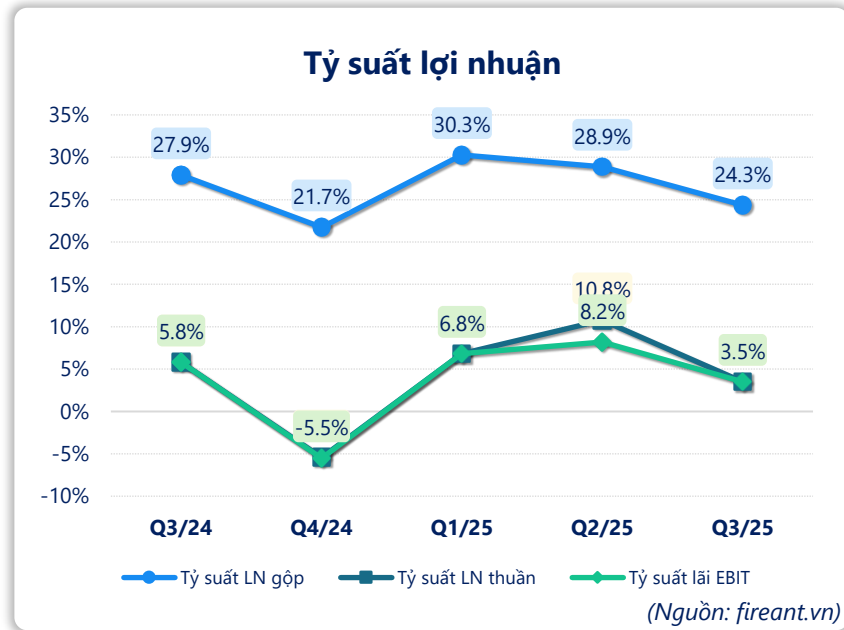
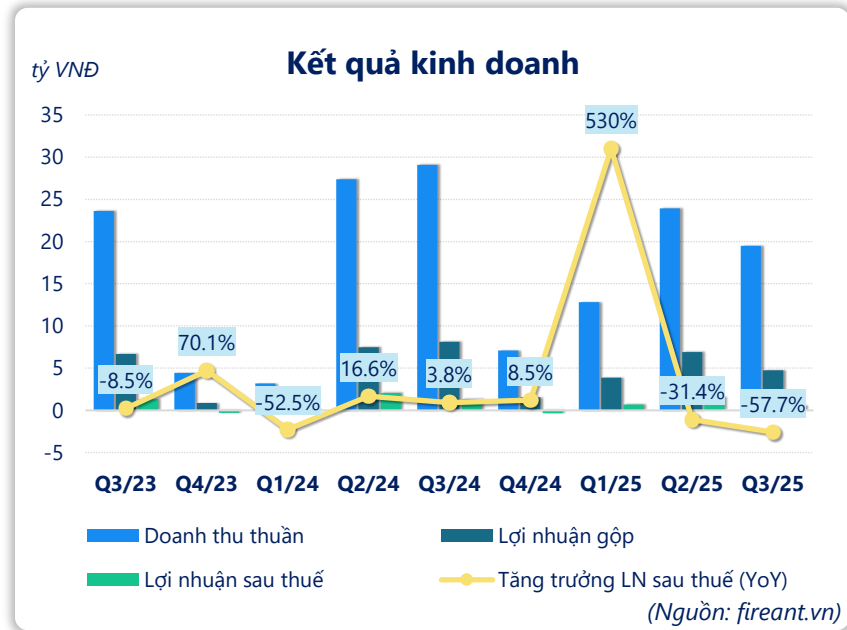


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,075
SL cổ phiếu LH		1,925,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)		80
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		29
P/E		11.7
EPS		1,278

	YTD	1T	3T	6T
DAE	3.7%	2.8%	0.0%	-6.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	59.3	50.8	16.7%
Tài sản ngắn hạn	54.4	46.2	17.9%
Tiền và tương đương tiền	9.22	4.95	86.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	14.4	-9.7%
Phải thu ngắn hạn	17.3	7.12	143%
Hàng tồn kho	14.1	18.6	-24.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	1.04	-22.4%
Tài sản dài hạn	4.82	4.59	5.2%
Phải thu dài hạn	0.02	0.33	-93.0%
Tài sản cố định	3.26	3.65	-10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.59	0.59	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	0.95	0.01	8019%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.9	8.88	90.2%
Nợ ngắn hạn	16.9	8.87	90.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.10	6.40	11.0%
Nợ dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	42.4	41.9	1.2%
Vốn chủ sở hữu	42.4	41.9	1.2%
Vốn điều lệ	19.3	19.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	29.1	7.11	12.8	23.9	19.5
Giá vốn hàng bán	21.0	5.56	8.93	17.0	14.7
Lợi nhuận gộp	8.11	1.54	3.88	6.92	4.74
Doanh thu HĐTC	0.00	0.04	0.50	0.55	0.25
Chi phí TC	0.65	0.69	-0.35	-0.40	0.02
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.51	0.36	1.29	2.68	1.77
Chi phí QLDN	3.26	0.91	2.57	2.61	2.51
LN thuần từ HĐKD	1.68	-0.39	0.87	2.58	0.68
Lợi nhuận khác	0	-0.01	0	-0.62	0
LN trước thuế	1.68	-0.39	0.87	1.96	0.68
Lợi nhuận sau thuế	1.34	-0.33	0.70	1.56	0.54
LNST của CĐ cty mẹ	1.34	-0.33	0.70	1.56	0.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.15	-1.45	2.84	2.05	2.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.98	0.00	1.96	-1.83	-1.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-4.50	2.18	0
Tiền đầu kỳ	2.23	6.40	4.95	5.25	7.65
Lưu chuyển tiền thuần	4.17	-1.45	0.30	2.40	1.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.40	4.95	5.25	7.65	9.22

(Nguồn: fireant.vn)